

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 194/2020/HSST

Ngày: 21/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm.

2. Ông Huỳnh Văn Sơn.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Liễu - Kiểm sát viên

Ngày 21 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 200/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 208/2020/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2020 đối với các bị cáo:

1/ Trần Văn Q; sinh năm 1969 tại tỉnh N; Giới tính: Nam; Địa chỉ thường trú: 6/241 đường T, phường V, Thành phố N, tỉnh N; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn D (chết) và bà Trần Thị D; Bị cáo vợ tên Đặng Thị N, có 01 con sinh năm 2010; Anh chị em có 08 người kể cả bị cáo; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 23/7/1997 bị TAND tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 278/HSST; ngày 12/01/2012 bị TAND quận Thủ Đức xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số 14/2012/HSST; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 22/7/2020 cho đến nay; Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

2/ Đặng Đức S, sinh năm 1974 tại tỉnh N; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 117/97 đường T, phường B, Thành phố N, tỉnh N; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 6/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Con ông Đặng Đức C (chết) và bà Đào Thị T (chết); Bị cáo có vợ tên Vũ

Thị T, 01 con sinh năm 1997; Anh chị em có 08 người kể cả bị cáo; Tiền án: không; Tiền sự: Không; Nhân thân: ngày 19/9/1994 bị TAND Thành phố Nam Định xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo bản án số 150/HSST, Ngày 01/9/2008 bị Tòa án nhân dân Thành phố Nam Định xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo bản án số 335/2008/HSST; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 22/7/2020 cho đến nay; Bị cáo được trích xuất có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1981 (có mặt)

Địa chỉ: 258 Khu phố A, phường H, Quận S, Thành phố H

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Đặng Thị N, sinh năm 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: 117/97 đường T, phường B, Thành phố N, tỉnh N

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/7/2020, do cần tiền tiêu xài nên Trần Văn Q rủ Đặng Đức S đi trộm cắp tài sản thì S đồng ý. Q lấy biển số giả 59L2-620.12 thay vào xe máy hiệu Honda Wave 110 RSX có biển số xe 18B2-327.78. Sau đó S điều khiển xe này chở Q đi trên nhiều tuyến đường, khi đến trước quán Phúc Mập số 44 Nguyễn Ảnh Thủ, ấp Đông 1, xã Thới Tam Thôn, huyện Hóc Môn thì cả hai phát hiện có 01 xe ô tô biển số 70A-067.25 của anh Nguyễn Văn T đậu trước quán không người trông giữ, Q nhìn vào trong xe thấy có 01 ba lô màu nâu để ở băng ghế sau nên Q nói với S trộm ba lô này. S chạy xe máy đứng cách xe ô tô 10m để cảnh giới, còn Q đi bộ đến dùng đoạn mở khóa cửa trước bên trái xe ô tô rồi mở chốt cửa sau lên vào trong lấy trộm balo trên rồi lên xe S điều khiển tẩu thoát. Trên đường cả hai kiểm tra và thấy số tài sản trong balo gồm: 65.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5s màu vàng; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn T, sau đó vứt bỏ balo. Khi về phòng trọ tại số 335/7 khu phố 4, phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh, Q đưa cho S 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5s màu vàng. Còn số tiền Q giữ sau đó trả nợ và tiêu xài hết 27.000.000 đồng còn 38.000.000 đồng cất trong tủ. Qua khám xét khẩn cấp nơi ở của Q, S thu giữ các vật chứng và các đồ vật khác có liên quan. Cơ quan CSĐT bắt khẩn cấp Q, S về hành vi trộm cắp tài sản.

Tại Cơ quan điều tra các bị can khai nhận hành vi phạm tội như trên, lời khai của các bị can phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án (BL57-99).

Kết luận định giá tài sản số 146/KL-HĐĐGTS ngày 20/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hóc Môn, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5S màu vàng trị giá là 1.200.000 đồng; 01 balo hiệu OULANSI trị giá 50.000 đồng (BL109,110).

Đối với xe máy hiệu Honda Wave 110 RSX có số khung 381XJY015351, Số máy JA38E0433477 mang biển số 18B2- 327.78 là Q mượn của vợ là Đặng Thị N đi công việc, việc Q phạm tội N không biết.

Đối với biển số xe 59K2-802.17 qua xác minh không có trong dữ liệu quản lý. Đối với biển số xe 59L2—620.12 qua xác minh xe do anh Trần Mã S đang sử dụng, nên xác định 02 biển số trên là giả. Bị can Q khai mua hai biển số của người đàn ông không rõ với giá 200.000 đồng.

Dân sự: Anh Nguyễn Văn T yêu cầu các bị can bồi thường số tiền bị mất và số tiền sửa chữa xe ô tô tổng cộng 42.268.000 đồng, chưa giải quyết.

Vật chứng thu giữ:

- Số tiền 38.000.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5s; 01 giấy phép lái xe mang tên Nguyễn Văn T; 01 ba lô màu nâu kích thước 46cm x 62cm (đã trả chủ sở hữu-BL116);

- 01 mũ bảo hiểm màu xanh đen có chữ HONDA FI, 01 mũ bảo hiểm màu xanh dương có chữ HONDA phía trước có chữ HONDA HÒA BÌNH MINH phía sau, 01 đoạn hình chữ T, 01 đầu đoạn, 01 áo sơ mi dài tay màu xanh sọc trắng, 01 quần tây dài có màu nâu sẫm, 01 áo sơ mi dài tay màu xám, 01 quần tây dài có màu xám, 01 xe máy hiệu Honda Wave 110 có số khung 381XJY015351, Số máy JA38E0433477 gắn biển số xe giả 59L2-620.12; 02 biển số xe 18B2-327.78 và 59K2-802.17 (Cơ quan điều tra đang tạm giữ).

Tại bản cáo trạng số 192/CT-VKS ngày 26/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Trần Văn Q, Đặng Đức S về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh sau khi nêu lại nội dung vụ án, phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- + Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn Q từ 03 (Ba) năm tù đến 04 (Bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

+ Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đặng Đức S từ 03 (Ba) năm tù đến 04 (Bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 mũ bảo hiểm màu xanh đen có chữ HONDA FI, 01 mũ bảo hiểm màu xanh dương có chữ HONDA phía trước có chữ HONDA HÒA BÌNH MINH phía sau, 01 đoạn hình chữ T, 01 đầu đoạn, 01 áo sơ mi dài tay màu xanh sọc trắng, 01 quần tây dài có màu nâu sẫm, 01 áo sơ mi dài tay màu xám, 01 quần tây dài có màu xám là quần áo, công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với: 01 xe máy hiệu Honda Wave 110 có số khung 381XJY015351, Số máy JA38E0433477 mang biển số 18B2-327.78 đề nghị trả lại cho cho sở hữu là bà Đặng Thị N.

+ Tịch thu tiêu hủy 02 biển số xe giả 59L2-620.12 và 59K2-802.17

- Về dân sự: Người bị hại ông Nguyễn Văn T đã nhận lại 38.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bị mất là 27.000.000 đồng và tiền sửa chữa xe ô tô là 4.268.000 đồng, tổng cộng số tiền bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường là 31.268.000 đồng. Bị cáo Q đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Bị cáo Trần Văn Q, Đặng Đức S khai nhận hành vi phạm tội đúng như bản cáo trạng đã nêu và xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Hóc Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trần Văn Q, Đặng Đức S khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã khai nhận tại cơ quan điều tra. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, với bản kết luận điều tra của công an huyện Hóc Môn, với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

huyện Hóc Môn và đồng thời phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận thấy đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Bị cáo Trần Văn Q và bị cáo Đặng Đức S đã lợi dụng sơ hở của người bị hại để lén lút chiếm đoạt 01 ba lô màu nâu trong đó có 65.000.000 đồng, 01 điện thoại di động hiệu Iphone 5s màu vàng trị giá là 1.200.000 đồng, 01 balo hiệu OULANSI trị giá 50.000 đồng (theo Kết luận định giá tài sản số 146/KL-HĐĐGTS ngày 20/8/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Hóc Môn), tổng trị giá tài sản chiếm đoạt là 66.250.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố để xét xử các bị cáo theo điều luật đã viện dẫn trên là đúng người, đúng tội, nên buộc các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo luật định.

[3] Bị cáo Q, bị cáo S là người đã thành niên, có khả năng lao động nhưng chỉ vì tham lam, muốn có tiền tiêu xài mà không phải lao động cực nhọc, các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của người bị hại để lén lút chiếm đoạt tài sản với tổng giá trị là 66.250.000 đồng. Hành vi của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an ở địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần được xử lý nghiêm mới có tác dụng giáo dục riêng cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Các bị cáo phạm tội có tính chất đồng phạm đơn giản. Các bị cáo không có sự phân công rõ ràng vai trò khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo Q là người rủ rê và là người thực hành. Bị cáo S là người giúp sức để cả hai tẩu thoát. Do vậy, cần áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất mức độ phạm tội mà các bị cáo gây ra.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định Điều 52 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho các bị cáo là phù hợp.

[7] Về nhân thân: Cả hai bị cáo đều có nhân thân xấu, trong đó bị cáo Q đã từng bị xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo S đã từng bị xét xử về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và tội “Tàng trữ tái phạm chất ma túy”.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu xanh đen có chữ HONDA FI; 01 mũ bảo hiểm màu xanh dương có chữ HONDA phía trước và có chữ HONDA HÒA BÌNH MINH phía sau; 01 đoạn băng kim loại sắt có quần bằng keo đen dài khoảng 11cm; 01 đầu đoạn băng kim loại sắt được mài đẹp dài khoảng 6cm; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh sọc trắng kích thước 45cm x 65cm; 01 quần tây dài có màu nâu sẫm dài khoảng 100cm; 01 áo sơ mi dài tay màu xám có kích thước 46cm x 62 cm; 01 quần tây dài có màu xám dài khoảng 102 cm là quần áo, công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Trả lại cho bà Đặng Thị N: 01 xe máy hiệu Honda Wave 110 có số khung 381XJY015351, Số máy JA38E0433477 mang biển số 18B2-327.78

- Tịch thu tiêu hủy 02 biển số xe giả 59L2-620.12 và 59K2-802.17

[9] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, bị hại yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền bị mất là 27.000.000 đồng và tiền sửa chữa xe ô tô là 4.268.000 đồng, tổng cộng là 31.268.000 đồng. Bị cáo Q tự nguyện đồng ý bồi thường toàn bộ số tiền nêu trên theo yêu cầu của bị hại và không yêu cầu bị cáo Sơn có trách nhiệm hoàn trả lại cho bị cáo Q; bị hại cũng đồng ý với ý kiến của bị cáo Q nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về án phí:

Buộc bị cáo Q phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Buộc bị cáo S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 32; Điều 38; Điều 50 của Bộ luật hình sự;

- Áp dụng Điều 106, Điều 135, Điều 136, Điều 329, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Q, bị cáo Đặng Đức S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Trần Văn Q 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 22/7/2020.

3. Xử phạt bị cáo Đặng Đức S 03 (ba) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 22/7/2020

4. Tạm giam bị cáo Trần Văn Q, bị cáo Đặng Đức S 45 (Bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

5. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Buộc bị cáo Trần Văn Q có trách nhiệm bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T số tiền là 31.268.000 (Ba mươi một triệu hai trăm sáu mươi tám ngàn) đồng, thi hành ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Văn T, nếu bị cáo Trần Văn Q chưa thi hành khoản tiền bồi thường thiệt hại nêu trên thì hàng tháng bị cáo Q còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

6. Xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu xanh đen có chữ HONDA FI; 01 mũ bảo hiểm màu xanh dương có chữ HONDA phía trước và có chữ HONDA HÒA BÌNH MINH phía sau; 01 đoạn băng kim loại sắt có quần băng keo đen dài khoảng 11cm; 01 đầu đoạn băng kim loại sắt được mài đẹp dài khoảng 6cm; 01 áo sơ mi dài tay màu xanh sọc trắng kích thước 45cm x 65cm; 01 quần tây dài có màu nâu sẫm dài khoảng 100cm; 01 áo sơ mi dài tay màu xám có kích thước 46cm x 62 cm; 01 quần tây dài có màu xám dài khoảng 102 cm là quần áo, công cụ các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội.

- Trả lại cho bà Đặng Thị N: 01 xe máy hiệu Honda Wave 110 có số khung 381XJY015351, Số máy JA38E0433477 mang biển số 18B2-327.78

- Tịch thu tiêu hủy 02 biển số xe giả 59L2-620.12 và 59K2-802.17

(Vật chứng của vụ án hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng thuộc Chi cục thi hành án dân sự huyện Hóc Môn theo Quyết định chuyển vật chứng số 151/QĐ-VKS-HS ngày 26/10/2020 và Biên bản giao nhận vật chứng)

7. Về án phí:.

Buộc bị cáo Trần Văn Q phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.563.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Buộc bị cáo Đặng Đức S phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm

8. Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND Tp.HCM;
- Sở Tư pháp Tp.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND huyện Hóc Môn;
- Cơ quan điều tra công an H. HM;
- Chi cục THADS H.HM;
- Các bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Dương Thị Mỹ Linh